

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Quản lý Quý Việt Cát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 28/UBCK-GP cấp ngày 25/01/2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 02, Tòa nhà Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, số 141 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2013, tổng số vốn điều lệ theo đăng ký của Công ty là 25 tỷ VND chia thành 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập góp vốn mua cổ phần của Công ty và đến ngày 31/12/2013 đã hoàn thành 100%. (Việc góp vốn chi tiết xem tại thuyết minh 11).

Tổng số nhân viên bình quân của Công ty trong năm 2013 là 8 nhân viên.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

**3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Hệ thống kế toán của Công ty được thiết lập trên cơ sở tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ ban hành kèm theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính. Thông tư này có sự thay đổi so với Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Chế độ kế toán Công ty quản lý Quỹ.

Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng và tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.2 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 ngoại trừ thay đổi chính sách về trích khấu hao tài sản cố định trình bày tại Thuyết minh số 3.7.

**3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.5 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN**

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty liên kết; đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo các quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính khi có sự sụt giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐỜI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi, khi cần thiết được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MỎN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Phương tiện vận tải	7
- Thiết bị văn phòng	3

Từ năm 2013 Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 Công ty đã thực hiện điều chỉnh những tài sản cố định hữu hình và vô hình có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng thành công cụ dụng cụ. Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã điều chỉnh là 195.879.789 đồng.

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyền nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

***Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán***

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ký kết, các điều khoản của hợp đồng được các bên thực hiện và nhà ủy thác đầu tư thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Doanh thu ủy thác đầu tư được ghi nhận khi hợp đồng và các điều khoản của hợp đồng ủy thác được cam kết thực hiện, bên nhận ủy thác thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được bằng chứng về giao dịch chứng khoán thành công và được phản ánh theo giá trị thu về tăng thêm so với giá vốn của chứng khoán đầu tư đem bán.

**3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN NGÂN SÁCH**

Theo Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng thì các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của Công ty thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết về các quyết định đối với chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc Công ty và các cổ đông lớn của Công ty.

**3.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Dánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	30.396.653	8.871.243
Tiền gửi ngân hàng	4.406.160.093	169.643.242
Các khoản tương đương tiền (*)	853.659.722	9.120.192.500
	<b>5.290.216.468</b>	<b>9.298.706.985</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt có thời hạn dưới 3 tháng.

**5. ĐẦU TƯ NGÂN HẠN**

	31/12/2013	Giá Trị (VND)	01/01/2013	
	Số lượng		Số lượng	
	(CP)		(CP)	
Cổ phiếu Công ty CP Sữa Việt Nam - VNM	7.100	1.000.146.300	-	-
Cổ phiếu Công ty CP nhựa Bình Minh - BMP	11.600	797.942.700	-	-
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Khí Việt Nam CTCP - GAS	13.800	896.188.800	-	-
Cổ phiếu Công ty CP Dược Hậu Giang - DHG	4.490	498.895.800	-	-
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD)	4.000	243.486.000		
Cổ phiếu Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh - TCT	300	48.096.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)		1.900.000.000		2.230.000.000
	<b>41.290</b>	<b>5.384.755.600</b>	-	<b>2.230.000.000</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2013 là tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong, lãi suất 8,24%/năm, thời gian đáo hạn ngày 31/07/2014.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	Giá Trị (VND)	01/01/2013
	VND		VND
Phí quản lý - Công ty Cổ phần Phần mềm Việt		77.801.425	77.801.425
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Việt Nam (1)		1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý và Giải pháp Doanh nghiệp (2)		2.124.600.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Doanh nghiệp Việt Nam (2)		3.541.300.000	-
Ông Nguyễn Thành Nam		-	3.640.000.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng		37.302.457	194.152.151
Tiền đặt cọc thuê nhà 3 tháng - Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo Hiểm Quốc Gia Việt Nam		65.445.692	65.545.692
Phải thu khác		2.796.613	51.894.500
	<b>7.449.246.187</b>	<b>5.629.393.768</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

(1): Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản Việt Nam là khoản phải thu về chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ Hạ tầng và Thương mại Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐCN/VFC-AMC/2012 ngày 15/04/2012.

(2): Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý và Giải pháp Doanh nghiệp và Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý Doanh nghiệp Việt Nam là khoản phải thu về chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Hồ Sông Đà theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu số 011812/2013/HĐCNCP/SUDITO/VFC-MCBS và 021812/2013/HĐCNCP/SUDITO/VFC-VBMS ngày 18/12/2013.

**7. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	21.000.000	68.830.988
	<b>21.000.000</b>	<b>68.830.988</b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Công VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	354.357.238	1.553.079.800	1.907.437.038
Tăng trong kỳ	10.990.000	-	10.990.000
Giảm theo Thông tư 45	(195.879.789)	-	(195.879.789)
Tại ngày 31/12/2013	<b>169.467.449</b>	<b>1.553.079.800</b>	<b>1.722.547.249</b>
<b>HAO MÒN LUÝ KÉ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	(294.277.224)	(659.150.479)	(953.427.703)
Trích khấu hao trong kỳ	(44.026.634)	(212.989.137)	(257.015.771)
Giảm theo Thông tư 45	180.060.065	-	180.060.065
Tại ngày 31/12/2013	<b>(158.243.793)</b>	<b>(872.139.616)</b>	<b>(1.030.383.409)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2013	60.080.014	893.929.321	954.009.335
Tại ngày 31/12/2013	<b>11.223.656</b>	<b>680.940.184</b>	<b>692.163.840</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIỀN KẾT

Tỷ lệ đầu tư (%)	Số lượng (CP)	Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 01/01/2013 Giá trị (VNĐ)
		Tỷ lệ Giá trị (VNĐ)	Số lượng (CP)	
30%	1.500	1.163.640.000	1.500	1.163.640.000
26%	130.000	5.273.296.000	130.000	5.273.296.000
	<b>131.500</b>	<b>6.436.936.000</b>	<b>131.500</b>	<b>6.436.936.000</b>

(1) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt theo hợp đồng mua ngày 01/12/2009 và theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt ngày 05/12/2009. Theo đó, Công ty đã mua cổ phần do Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trí Việt phát hành với số lượng 1.500 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần, và tổng giá trị chuyen nhượng là 1.163.640.000 đồng.

(2) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Phần mềm Việt Quốc Tế là đầu tư mua lại cổ phiếu theo điều kiện tại phụ lục hợp đồng số 4 kèm theo hợp đồng chuyen nhượng cổ phiếu này cho Công ty Cổ phần Phần mềm Việt theo hợp đồng 01/R/2008/VFC-DT ngày 05/06/2008. Công ty đã bán số cổ phiếu này cho Công ty Cổ phần Phần mềm Việt ra năm 2011 do bên mua không có khả năng thanh toán. Các thủ tục liên quan đến việc chuyển quyền đổi với các cổ phiếu này chưa được hoàn tất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Tỷ lệ đầu tư (%)	Số lượng (CP)	Tại ngày 31/12/2013		Tại ngày 01/01/2013 Giá Trị (VND)
		Giá Trị (VND)	Số lượng (CP)	
10%	60.000	375.000.000	60.000	375.000.000 580.000.000
	<b>60.000</b>	<b>375.000.000</b>	<b>60.000</b>	<b>955.000.000</b>

- (1) Khoan đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương theo Quyết định và theo Biên bản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương ngày 10/05/2012. Theo đó, Công ty đã mua cổ phần do Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đất Đông Dương phát hành với số lượng 60.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, giá mua vào là 6.250 đồng/cổ phần số tiền là 375.000.000 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Đầu tư Nhà đất Đông Dương (1)	400.000.000	-
	<b>400.000.000</b>	<b>-</b>

- (1) Là khoản tạm ứng theo thỏa thuận hai bên ngày 26 tháng 06 năm 2012 để thực hiện công việc phát triển kinh doanh cho Đông Dương, với lãi suất 0% trên khoản tạm ứng, được đảm bảo bằng 37.500 cổ phần thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Đông Dương.

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GÓP VỐN ĐIỀU LỆ THEO ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

Cổ đông sáng lập	Theo cam kết		Tại ngày 31/12/2013		
	Cổ phần đăng ký CP	Tỷ lệ sở hữu %	Tổng CP	Vốn điều lệ thực góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Ông Nguyễn Hà Trung	800.000	32,0%	800.000	8.000.000.000	32,0%
Ông Phạm Sĩ Hải	450.000	18,0%	450.000	4.500.000.000	18,0%
Ông Lê Thành Công	300.000	12,0%	300.000	3.000.000.000	12,0%
Bà Nguyễn Thị Hảo	250.000	10,0%	250.000	2.500.000.000	10,0%
Bà Lưu Thị Việt Hồng	225.000	9,0%	225.000	2.250.000.000	9,0%
Công ty Cổ phần Nhất Vinh	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	175.000	7,0%	175.000	1.750.000.000	7,0%
Bà Phạm Thu Trang	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
Bà Nguyễn Hương Lan	62.500	2,5%	62.500	625.000.000	2,5%
	<b>2.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>2.500.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>100%</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUÝ VIỆT CÁT  
Số 141 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13.1. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

Nhà Đầu tư	Dư đầu năm	Phát sinh tăng (*)	Phát sinh giảm (**)	Đơn vị tính: VND	Đến cuối năm
Công ty CP Đầu tư Nhà đất Đông Dương	354.940	710	-	355.650	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đông Sơn	3.322.378	1.395.854.888	1.386.783.196	12.394.070	-
Công ty CP Tư vấn, Đầu tư EMA	8.246.241	69.871	-	8.316.112	-
Công ty CP Bất động sản Liên Á	425.020	850	-	425.870	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	44.042.824.719	30.117.065.364	13.925.759.355	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tạo Thành Đạt	11.828.309	45.904.270	51.286.869	6.445.710	-
Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam Thịnh Vượng	6.480.333	106.076	-	110.000	6.476.409
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Campuchia - CN Hà Nội	5.833.178	1.147.687.596.764	1.147.691.251.901	2.178.041	-
Các nhà đầu tư khác	76.276.494	146.055.574.979	146.057.608.039	74.243.434	-
<b>Tổng</b>	<b>112.766.893</b>	<b>1.339.227.933.127</b>	<b>1.325.313.203.001</b>	<b>14.027.497.019</b>	

**Ghi chú:**

(\*): Nhà đầu tư gửi tiền vào để thực hiện các hoạt động chi định đầu tư của nhà đầu tư.

(\*\*): Nhà đầu tư rút tiền ra khi thực hiện bán các khoản đầu tư theo chỉ định, thanh toán phí lưu ký chứng khoán tại Ngân hàng lưu ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT  
Số 141 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13.2. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

Chỉ tiêu	Giá trị tại ngày		Mua	Bán	Giá trị VND	Giá trị tại ngày 31/12/2013 VND
	01/01/2013	VND				
- Cổ phiếu	49.812.208.789		4.636.000	30.192.303.805	1.100.000	13.613.487.623
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Phúc	10.860.990.000		-	-	-	66.391.024.971
+ Công ty Cổ phần Đầu tư nhà đầu Đông Dương	2.400.000.000		-	-	-	10.860.990.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý BDS Việt Nam	1.510.000.000		-	-	-	2.400.000.000
+ Ngân hàng Á Châu (ACB)	2.447.509		-	-	-	1.510.000.000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.384.760.000		-	-	-	2.447.509
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Archi Reenco Hoà Bình	2.384.000.000		-	-	-	2.384.760.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và QLBDS Việt Nam (cổ phiếu ưu đãi)	2.500.000.000		-	-	-	2.384.000.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí	4.629.400		-	-	-	2.500.000.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật	2.800		-	-	-	4.629.400
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội	3.800		-	-	-	2.800
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Archi	-		-	-	-	3.800
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông	-		-	-	-	12.314.011.280
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-		-	-	-	10.000.000.000
- Đặt cọc mua trái phiếu	-		-	-	-	12.314.011.280
- Góp vốn Công ty TNHH BVQT Carmel FMP theo HDLD ký ngày 1/2/2013	-		-	-	-	10.000.000.000
- Bất động sản tại Mỹ Đình	-		-	-	-	8.796.034.106
2.686.000.000			-	-	-	27.068.907.052
<b>52.498.208.789</b>	<b>4.636.000</b>		<b>761.414.306.675</b>	<b>1.100.000</b>	<b>2.686.000.000</b>	<b>711.656.549.335</b>
						<b>102.255.966.129</b>

**Ghi chú:** Số dư cuối năm của các khoản đầu tư của nhà Ủy thác đều theo giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, danh mục đầu tư toàn bộ là nhà đầu tư chi định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ỦY THÁC ĐẦU TƯ**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Nhà Đầu tư</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	730.822.500	-
<b>Cộng</b>	<b>730.822.500</b>	<b>-</b>

**13.4 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ỦY THÁC ĐẦU TƯ**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Nhà Đầu tư</b>		
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đông Sơn	3.401.628	37.413.339
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	88.999	17.601
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	746.242.485	-
Các nhà đầu tư khác	130.626.271	61.870.588
<b>Cộng</b>	<b>880.359.383</b>	<b>99.301.528</b>

**14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	459.529.217	769.941.012
<b>Cộng</b>	<b>459.529.217</b>	<b>769.941.012</b>

**15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí liên quan đến quản lý danh mục đầu tư	44.466.885	5.995.413
<b>Cộng</b>	<b>44.466.885</b>	<b>5.995.413</b>

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.700.045.729	1.444.960.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	963.583.066	1.216.554.880
<b>Cộng</b>	<b>2.663.628.795</b>	<b>2.661.514.880</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.999.952.461	2.086.896.040
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ quản lý	26.926.270	80.082.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.015.771	256.449.480
Thuế, phí và lệ phí	9.469.262	6.094.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.509.788	767.997.874
Chi phí bằng tiền khác	25.520.381	152.776.443
	<b>3.009.393.933</b>	<b>3.350.297.216</b>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.650.894	75.163.263
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	27.650.894	75.163.263
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải trả trước tính	6.912.724	18.790.816
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>6.912.724</b>	<b>18.790.816</b>

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.290.216.468	9.298.706.985
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.384.755.600	2.230.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.561.162.160	4.114.023.103
Đầu tư dài hạn khác	375.000.000	955.000.000
	<b>18.611.134.228</b>	<b>16.597.730.088</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	403.411.003	406.149.755
	<b>403.411.003</b>	<b>406.149.755</b>
<b>Trạng thái ròng</b>		
	<b>18.207.723.225</b>	<b>16.191.580.333</b>

Tại ngày 31/12/2013 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập mức độ đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Công
		VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.411.003	-	400.000.000	403.411.003
	<b>3.411.003</b>	<b>-</b>	<b>400.000.000</b>	<b>403.411.003</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Các khoản phải trả, phải nộp khác	406.149.755	-	-	406.149.755
	<b>406.149.755</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>406.149.755</b>

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu và đầu tư ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.436.556.746	853.659.722	-	5.290.216.468
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.484.755.600	1.900.000.000	-	5.384.755.600
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.561.162.160	-	-	7.561.162.160
Đầu tư dài hạn khác	375.000.000	-	-	375.000.000
	<b>15.857.474.506</b>	<b>2.753.659.722</b>	-	<b>18.611.134.228</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.514.485	9.120.192.500	-	9.298.706.985
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	2.230.000.000	-	2.230.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.114.023.103	-	-	4.114.023.103
Đầu tư dài hạn khác	375.000.000	580.000.000	-	955.000.000
	<b>4.667.537.588</b>	<b>11.930.192.500</b>	-	<b>16.597.730.088</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

	Cộng (Giá trị ghi sổ) VND	Không quá hạn		
		Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Cộng VND
<b>31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.290.216.468	-	5.290.216.468	5.290.216.468
Các khoản đầu tư tài chính	5.384.755.600	41.646.300	5.343.109.300	5.384.755.600
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.561.162.160	-	7.561.162.160	7.561.162.160
Đầu tư dài hạn khác	375.000.000	-	375.000.000	375.000.000
	<b>18.611.134.228</b>	<b>41.646.300</b>	<b>18.569.487.928</b>	<b>18.611.134.228</b>
<b>01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.298.706.985	-	9.298.706.985	9.298.706.985
Các khoản đầu tư tài chính	2.230.000.000	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.114.023.103	-	4.114.023.103	4.114.023.103
Đầu tư dài hạn khác	955.000.000	-	955.000.000	955.000.000
	<b>16.597.730.088</b>	-	<b>16.597.730.088</b>	<b>16.597.730.088</b>

**20. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**20.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương và thu nhập của Ban Giám đốc	858.304.272	904.140.303
	<b>858.304.272</b>	<b>904.140.303</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**20.2 CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ**

CHỈ TIÊU	Năm 2013		Năm 2012	
	%		%	
<b>1. Cơ cấu tài sản</b>				
- Tài sản cố định và Đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	29,12		32,50	
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	70,88		67,50	
<b>2. Tỷ suất sinh lời</b>				
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	8,16		7,32	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn góp	0,15		0,23	
<b>3. Tình hình tài chính</b>				
- Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	2,23		2,00	
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	5.991,20		2.234,94	
- Tài sản cố định/Vốn chủ sở hữu	2,77		3,82	

**20.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.



Phạm Sĩ Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Diệp Anh  
Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Diệp Anh  
Người lập